

**CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ THU LÂM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ THU LÂM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THU LAM INTERNATIONAL TRADING AND IMPORT EXPORT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: THU LAM INTRADE CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110376414

**3. Ngày thành lập:** 05/06/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Phú Hạ, Xã Minh Phú, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0968596998

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4631        |
| 2.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt<br>Bán buôn thủy sản<br>Bán buôn rau, quả<br>Bán buôn cà phê<br>Bán buôn chè<br>Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột<br>Bán buôn thực phẩm khác<br>Kinh doanh thực phẩm chức năng và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng | 4632(Chính) |
| 3.  | Trồng lúa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 0111        |
| 4.  | Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 0112        |
| 5.  | Trồng cây lấy củ có chất bột                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 0113        |
| 6.  | Trồng cây mía                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 0114        |
| 7.  | Trồng cây thuốc lá, thuốc lào                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 0115        |
| 8.  | Trồng cây lấy sợi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 0116        |
| 9.  | Trồng cây có hạt chứa dầu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 0117        |
| 10. | Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 0118        |
| 11. | Trồng cây hàng năm khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 0119        |
| 12. | Trồng cây ăn quả                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 0121        |
| 13. | Trồng cây lấy quả chứa dầu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 0122        |
| 14. | Trồng cây điều                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 0123        |

|     |                                                                                                                                             |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 15. | Trồng cây hồ tiêu                                                                                                                           | 0124 |
| 16. | Trồng cây cao su                                                                                                                            | 0125 |
| 17. | Trồng cây cà phê                                                                                                                            | 0126 |
| 18. | Trồng cây chè                                                                                                                               | 0127 |
| 19. | Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm                                                                                     | 0128 |
| 20. | Trồng cây lâu năm khác                                                                                                                      | 0129 |
| 21. | Khai thác lâm sản khác trừ gỗ                                                                                                               | 0231 |
| 22. | Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ                                                                                                                | 0232 |
| 23. | Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp                                                                                                                | 0240 |
| 24. | Khai thác thủy sản biển                                                                                                                     | 0311 |
| 25. | Khai thác thủy sản nội địa                                                                                                                  | 0312 |
| 26. | Nuôi trồng thủy sản biển                                                                                                                    | 0321 |
| 27. | Nuôi trồng thủy sản nội địa                                                                                                                 | 0322 |
| 28. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa ( Trừ loại nhà nước cấm) | 8299 |
| 29. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                        | 4711 |
| 30. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                          | 4719 |
| 31. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                           | 4721 |
| 32. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                            | 4722 |
| 33. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                            | 5610 |
| 34. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                    | 5621 |
| 35. | Dịch vụ ăn uống khác<br>(trừ cung cấp suất ăn cho các hãng hàng không)                                                                      | 5629 |
| 36. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                     | 5630 |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

### 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------|-----------|------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | BÀN ĐỨC THỊNH  | Việt Nam  | Xóm Chú 1, Xã Bộc Nhiêu, Huyện Định Hoá, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam    | 500.000.000           | 5,000     | 019085001776                                                                                            |         |

|   |             |          |                                                                     |               |        |              |  |
|---|-------------|----------|---------------------------------------------------------------------|---------------|--------|--------------|--|
| 2 | BÀN THỊ THU | Việt Nam | Xóm Chú 1, Xã Bộc Nhiêu, Huyện Định Hoá, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam | 9.500.000.000 | 95,000 | 019191005767 |  |
|---|-------------|----------|---------------------------------------------------------------------|---------------|--------|--------------|--|

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: BÀN THỊ THU

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 13/01/1991

Dân tộc: Dao

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 019191005767

Ngày cấp: 10/07/2022

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Xóm Chú 1, Xã Bộc Nhiêu, Huyện Định Hoá, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Xóm Chú 1, Xã Bộc Nhiêu, Huyện Định Hoá, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội